TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2017/HSST
Ngày: 26-7-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hoa.
2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện VKSND huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2017/TLST-HS ngày 14/6/2017, đối với các bị cáo:

1- Đặng Thị L, sinh năm: 1939 (B vé số). HKTT: Tổ 11, khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông C (đã chết) và bà T (đã chết); Chồng Đ, (đã chết) và có 02 người con đều đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được tại ngoại. (có mặt).

2- Dương Thị M, sinh năm: 1975. HKTT: Tổ 6Ô1, khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ văn hóa: 3/12; Con ông Đ (đã chết) và bà P; Chồng Nguyễn Minh T và có 03 người con, con lớn nhất 19 tuổi, con nhỏ nhất 04 tuổi; Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo được tại ngoại. (có mặt).

3- Nguyễn Thị Mộng T (Bé C), sinh năm: 1985. HKTT: Tổ 4/23 khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông T và bà N; Chồng L (đã chết) và có 03 người con, con lớn nhất 11 tuổi, con nhỏ nhất 01 tuổi; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được tại ngoại. (có mặt).

4- Nguyễn Minh T, sinh năm: 1972. HKTT: Tổ 6Ô1, khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; con ông Đ và bà H (đã chết); Vợ Dương Thị M và có 03 người

con, con lớn nhất 19 tuổi, con nhỏ nhất 04 tuổi; Tiền án: không; Tiền sự: ngày 20/5/2016 bị Công an thị trấn L xử phạt 1.040.000đ về hành vi đánh bạc.

Bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Thị L bắt đầu thực hiện hành vi mua bán số đề từ đầu tháng 5 năm 2016 ngay tại nhà của L thuê ở thuộc tổ 11 khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hằng ngày L ghi và bán số đề cho khách từ khoảng 9 giờ 30 phút và khóa sổ trước giờ xổ số kiến thiết của các đài (Miền Nam là 16 giờ 15 phút, Miền Bắc là 18 giờ 15 phút). Về hình thức bán cụ thể như sau: Bán đầu đuôi (hoặc chỉ đánh đầu hoặc chỉ đánh đuôi) là lấy hai con số đầu của giải tám và hai con số cuối cùng của giải đặc biệt; bao lô hai con số là lấy hai con số cuối của tất cả các giải từ giải tám cho đến giải đặc biệt (18 lô) có mức chi thưởng (đài Miền Nam 1.000đ ăn 70.000đ, đài Miền Bắc 1.000đ ăn 75.000đ). Đối với hình thức bao lô ba con số là lấy ba con số cuối cùng từ giải bảy cho đến giải đặc biệt (17 lô); Xỉu chủ là lấy ba con số của giải bảy và ba con số cuối của giải đặc biệt, có mức chi thưởng là mua 1.000đ nếu trúng sẽ được 600.000đ (đài Miền Nam và Miền Bắc như nhau); Số đá là lấy 01 cặp hai số của tất cả các giải trong kết quả xổ số (18 lô) với mức chi thưởng (đài Miền Nam 1.000đ ăn 500.000đ, đài Miền Bắc 1.000đ ăn 600.000đ). Các hình thức nêu trên đều dựa theo kết quả xổ số kiến thiết hàng ngày của từng đài để làm cơ sở chi trả khi có con bạc trúng thưởng như trên. Sau đó, L tổng hợp số đề và số tiền bán được trong ngày vào trong cuốn sổ. Đồng thời L và Dương Thị Minh đã thỏa thuận với nhau từ trước là những con số đề có số tiền giá trị lớn mà L bán được trong ngày sẽ chuyển cho M thông qua số điện thoại 0937390236 để hưởng tiền huê hồng nhiều nhất là 200.000đ ít nhất là 50.000đ (L và M không quy định %). Số đề bán được có số tiền giá trị thấp thì L giữ lại và tự chung chi. Khi đã có kết quả xổ số kiến thiết hàng ngày của từng đài, L và M sẽ tổng hợp những con số mà người mua số đề đã trúng và các con bạc trực tiếp gặp L giao, nhận số tiền trúng số đề, còn M giao tiền mà con bạc đã trúng cho Nguyễn Minh T (chồng của M) mang đến đưa cho L để chung chi cho con bạc.

Ngoài ra trong thời gian bán số đề đến khoảng đầu tháng 12 năm 2016, Nguyễn Thị Mộng T1 (là cháu dâu của L) đến ở phụ giúp việc nhà cho L và được L nhờ phụ giúp L bán số đề cho các con bạc khi L không có ở nhà hoặc ngủ trưa, T1 được L nuôi cơm và cho tiền tiêu xài, T1 đồng ý. T1 phụ giúp L bán đề cho con bạc được khoảng 04 đến 05 ngày. Đến khoảng 16 giờ 20 phút ngày 29/12/2016, khi Đặng Thị L đang ngồi tổng hợp phơi đề tại nhà thuê ở tổ 11 thuộc khu phố Hải An, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì bị Công an tiến hành kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

- Vật chứng vụ án gồm:

+ Thu giữ của Đặng Thị L: 01 cây bút bi hiệu Minigel, màu đen, dài

15cm; 01 bàn gỗ xếp, hình chữ nhật, có kích thước 60cm x 40cm; 01 máy tính hiệu Casio-LC-403TV; 01 điện thoại di động hiệu Nokia-X2-00, Type: RM-618, màu đen đỏ xám; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xám đen, Model C2-01, Type: RM-721, ID: PPIRM-721, IC: 661U-RM721; số tiền 3.700.000đ (tiền bán số đề, tài sản của L).

+ Thu giữ của Dương Thị M: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số Imel I: 359894/06/024328/7, số Imel II: 359895/06/024328/4, Model: SM-B313E, kèm theo số sim điện thoại 0937390236; 01 điện thoại di động hiệu Philips, màu đen, số Imel I: 868838022519676, số Imel II: 868838022519684, kèm theo số sim điện thoại 01284388508.

Tất cả vật chứng trên hiện đã giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ quản lý chờ xử lý. (Bút lục số: 01, 46).

+ 01 cuốn sổ ghi dòng chữ Campap màu vàng, có kích thước 30cm x 22,5cm, bên trong ghi các chữ số (số đề) và có chữ ký xác nhận của Đặng Thị L; 01 xấp giấy phơi đề có 63 tờ trong đó có 02 tờ ghi các chữ số, có kích thước 08cm x 08cm (tài liệu chứng cứ đã lưu giữ chuyển theo hồ sơ vụ án).

Căn cứ theo Nghị quyết số: 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao và qua kiểm tra sổ lưu giữ của Đặng Thị L được thể hiện tại các bản thống kê số tiền phơi đề đã xác định số tiền Đặng Thị L dùng để đánh bạc trong ngày 29/12/2016 (hiện đang lưu theo hồ sơ vụ án Bút lục số: 01 đến 02) cụ thể như sau:

- Đài Tây Ninh và An Giang: Đầu đuôi: 860.000đ; Bao lô 02 con số: 4.086.000đ; Bao lô 03 con số: 680.000đ; Xỉu chủ: 72.000đ; số đá: 540.000đ.

+ Số tiền mà L dùng để đánh bạc trong ngày 29/12/2016 là **6.238.000đ**. (Trong đó chuyển cho M phơi đề với số tiền là 4.782.000đ, còn lại phơi đề với số tiền 1.456.000đ L giữ lại tự chung chi cho các con bạc).

Ngoài ra trước đó, CQĐT xác định Đặng Thị L đánh bạc (bán số đề) với số tiền trên 5.000.000đ thể hiện tại các bản thống kê phơi đề từ ngày 05/12/2016 đến ngày 28/12/2016, cụ thể như sau:

1/ Ngày 05/12/2016. Tiền bán số đề là 3.172.000đ; tiền chung chi cho con bạc trúng số đề là 4.120.000đ. Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **7.292.000đ.**

2/ Ngày 07/12/2016. Tiền bán số đề là 2.444.000đ; tiền chung chi cho con bạc trúng số đề là 4.850.000đ; Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **7.294.000đ**.

3/ Ngày 08/12/2016. Tiền bán số đề là 4.317.000đ; tiền chung chi cho con bạc trúng số đề là 1.075.000đ. Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **5.392.000đ.**

4/ Ngày 09/12/2016. Tiền bán số đề là 4.196.000đ; tiền chung chi cho con bạc trúng số đề là 2.945.000đ. Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **7.141.000đ.**

5/ Ngày 11/12/2016. Tiền bán số đề là 2.478.000đ; tiền chung chi cho con bạc trúng số đề là 2.950.000đ. Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **5.428.000đ.**

6/ Ngày 15/12/2016. Tiền bán số đề là 3.006.000đ; tiền chung chi cho con

bạc trúng số đề là 2.110.000đ. Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **5.116.000đ.**

7/ Ngày 19/12/2016. Tiền bán số đề là 4.291.000đ; tiền chung chi cho con bạc trúng số đề là 1.300.000đ. Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **5.591.000đ.**

8/ Ngày 22/12/2016. Tiền bán số đề là 7.952.000đ; tiền chung chi cho con bạc trúng số đề là 1.890.000đ. Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **9.842.000đ.**

9/ Ngày 24/12/2016. Tiền bán số đề là 3.157.000đ; tiền chung chi cho con bạc trúng số đề là 5.795.000đ. Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **8.952.000đ.**

10/ Ngày 25/12/2016. Tiền bán số đề là 3.081.000đ; tiền chung chi cho con bạc trúng số đề là 2.315.000đ. Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **5.396.000đ.**

11/ Ngày 26/12/2016. Tiền bán số đề là 2.211.000đ; tiền chung chi cho con bạc trúng số đề là 4.115.000đ. Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **6.326.000đ.**

12/ Ngày 27/12/2016. Tiền bán số đề là 6.281.000đ; tiền chung chi cho con bạc trúng số đề là 5.150.000đ. Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **11.431.000đ.**

13/ Ngày 28/12/2016, các con bạc mua số đề 03 đài Đồng Nai, Cần Thơ và Miền Bắc.

- Đài Đồng Nai, Cần Thơ và Miền Bắc gồm: Đầu đuôi: 1.188.000đ; Bao lô 02 con số: 6.921.000đ; Xỉu chủ: 160.000đ; Số đá: 2.529.000đ; Bao lô 03 số: 529.000đ; Số giải đặc biệt (số đuôi): 130.000đ;

+ Số tiền mà L dùng để đánh bạc trong ngày 28/12/2016 là 11.457.000đ. (Trong đó chuyển cho M phơi đề với số tiền là 8.166.000đ, còn lại phơi đề với số tiền 3.291.000đ L giữ lại tự chung chi cho các con bạc).

+ Số tiền L giữ lại phơi đề và tự chung chi cho con bạc trúng số đề trong ngày 28/12/2016 là 10.820.000đ.

- Số tiền mà L dùng để đánh bạc là **22.277.000đ.**

Đối với Dương Thị M khai ngày 28/12/2016 nhận thầu đề do L giao lại với số tiền dùng để đánh bạc là 5.016.000đ, cụ thể như sau:

- Đài Đồng Nai, Cần Thơ, Miền Bắc: Bao lô 02 con số 2.826.000đ; Xỉu chủ: 150.000đ; Đầu đuôi: 790.000đ; Số đá: 1.170.000đ; Số đuôi (của giải đặc biệt) 80.000đ.

+ Số tiền mà M dùng để đánh bạc ngày 28/12/2016 là 5.016.000đ; tiền chung chi cho các con bạc trúng số đề là 7.750.000đ. Số tiền mà M dùng đánh bạc là **12.766.000đ.**

Ngoài ra Dương Thị M còn khai nhận vào ngày 25/12/2016, đánh bạc (số đề) cùng với đối tượng tên N (không rõ nhân thân lai lịch) với số tiền là 405.000đ và N đã trúng số đề với số tiền 375.000đ. Xác định số tiền đánh bạc là 780.000đ.

Đối với Nguyễn Minh T (chồng của M), trong ngày 28/12/2016, M có giao cho T số tiền 13.750.000đ và nói với T 6.000.000đ là số tiền cho L mượn còn lại số tiền 7.750.000đ là tiền chung chi cho các con bạc trúng đề. Sau khi nhận tiền, T đã mang đến giao cho L số tiền như đã nêu trên.

Ngoài ra qua điều tra đã xác định đến khi bị bắt quả tang ngày 29/12/2016, Đặng Thị L đã bán số đề cho các con bạc với số tiền đánh bạc dưới 5.000.000đ, cụ thể gồm: Các ngày 06/12/2016 (1.956.000đ), 10/12/2016 (3.370.000đ), 12/12/2016 (2.755.000đ), 13/12/2016 (4.161.000đ), 14/12/2016 (2.248.000đ), 16/12/2016 (2.622.000đ), 17/12/2016 (3.004.000đ), 18/12/2016 (3.962.000đ), 20/12/2016 (3.093.000đ), 21/12/2016 (4.735.000đ), 23/12/2016 (4.794.000đ) và Dương Thị M vào ngày 29/12/2016 với số tiền (4.782.000đ). Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Trên cơ sở áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội. Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: "Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng …". Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã chuyển xử lý phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tên N (chưa rõ nhân thân định lai lịch), Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Bản cáo trạng số 47/QĐ-KSĐT ngày 12/6/2017 của VKSND huyện Đ đã truy tố bị cáo Đặng Thị L về tội "Đánh bạc" theo điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật hình sự 1999; các bị cáo Nguyễn Thị Mộng T1, Dương Thị M và Nguyễn Minh T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự 1999.

Các bị cáo Đặng Thị L, Dương Thị M, Nguyễn Thị Mộng T1 và Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt bị cáo L từ 24 đến 30 tháng tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo M từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thủ thách từ 12 đến 18 tháng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo T1 và bị cáo T từ 03 đến 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 phạt bổ sung bị cáo L 7.000.000 đến 10.000.000đ; phạt bị cáo M từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

- Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Lời nói sau cùng:

- Bị cáo L: Bị cáo hiện đã già, không có người nuôi dưỡng, phải sống nhờ sự giúp đỡ của hàng xóm nên xin giảm nhẹ tội, được hưởng án treo và miễn phạt bổ sung.

- Bị cáo M: Hiện nay vợ chồng bị cáo rất khó khăn, chồng là lao động duy nhất nuôi gia đình, các con còn nhỏ và đi học nên xin cho vợ chồng được hưởng án treo để có điều kiện nuôi con.

- Bị cáo T1: Bị cáo hiện nuôi 3 con nhỏ, chồng đã chết nên xin được hưởng án treo để đi làm nuôi các con.

- Bị cáo T: Hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình nên xin được tại ngoại để nuôi vợ và con ăn học.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Thị L, Dương Thị M, Nguyễn Thị Mộng T1 và Nguyễn Minh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Từ ngày 05/12/2017 đến ngày 29/12/2017 tại nhà Đặng Thị L thuê lại của người khác thuộc khu phố Hải An, thị trấn H, huyện Đ các bị cáo đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số đề cụ thể như sau:

Đối với bị cáo L đã dùng số tiền để đánh bạc gồm:

1/ Ngày 05/12/2016, số tiền **7.292.000đ.**
2/ Ngày 07/12/2016, số tiền **7.294.000đ.**
3/ Ngày 08/12/2016, số tiền **5.392.000đ.**
4/ Ngày 09/12/2016, số tiền **7.141.000đ.**
5/ Ngày 11/12/2016, số tiền **5.428.000đ.**
6/ Ngày 15/12/2016, số tiền **5.116.000đ.**
7/ Ngày 19/12/2016, số tiền **5.591.000đ.**
8/ Ngày 22/12/2016, số tiền **9.842.000đ.**
9/ Ngày 24/12/2016, số tiền **8.952.000đ.**
10/ Ngày 25/12/2016, số tiền **5.396.000đ.**
11/ Ngày 26/12/2016, số tiền **6.326.000đ.**
12/ Ngày 27/12/2016, số tiền **11.431.000đ.**
13/ Ngày 28/12/2016, số tiền **22.277.000đ.**
14/ Ngày 29/12/2016, số tiền **6.238.000đ.**

thì bị bắt quả tang.

Nguyễn Thị Mộng T1 có hành vi giúp Đặng Thị L ghi số đề bán cho

khách khi L đi vắng và ngủ trưa để được L cho ăn ở và tiền tiêu xài.

Dương Thị M có hành vi nhận phơi đề từ Đặng Thị L (thầu đề) để thu lợi bất chính với số tiền đánh bạc trong ngày 28/12/2016 là 12.766.000đ.

Nguyễn Minh T có hành vi phụ giúp M chuyển giao số tiền mua đề và tiền trúng đề của con bạc trong ngày 28/12/2016 là 7.750.000đ cho L để chung chi cho người mua đề trúng thưởng.

Do đó có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Đặng Thị L, Dương Thị M, Nguyễn Thị Mộng T1 và Nguyễn M T phạm tội "Đánh bạc". Đối với bị cáo L đã nhiều lần đánh bạc có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật hình sự 1999; Đối với Dương Thị M, Nguyễn Minh T và Nguyễn Thị Mộng T1 phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự 1999.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu về mặt xã hội và gây mất trật tự trị an địa phương. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm tương xứng với mức độ hành vi vi phạm của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt. Bị cáo L phạm tội nhiều lần có tính chất chuyên nghiệp nên chịu trách nhiệm cao nhất, bị cáo M tuy biết hành vi ghi đề của bị cáo L là vi phạm nhưng vẫn nhận thầu đề lại của bị cáo L để thu lợi bất chính; bị cáo T1 và bị cáo T biết hành vi bán đề của L và M là vi phạm pháp luật nhưng vẫn tham gia với vai trò giúp sức nên cũng phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Riêng bị cáo T có nhân thân xấu, tháng 6/ 2016 bị Công an thị trấn H xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng tiếp tục phạm tội cho thấy xem thường pháp luật nên phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn.

Tuy nhiên, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo L khi phạm tội đã già; bị cáo M, T1 và T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét, bị cáo L là người lớn tuổi, sức khỏe yếu; bị cáo M và T1 hiện nuôi con nhỏ, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy chưa cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà xử phạt tù cho hưởng án treo, giao về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo M; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo L, bị cáo T1 và bị cáo T.

- Xử lý vật chứng:

+ 01 cuốn sổ ghi dòng chữ Campap màu vàng, có kích thước 30cm x 22,5cm, bên trong ghi các chữ số (số đề) và có chữ ký xác nhận của Đặng Thị L; 01 xấp giấy phơi đề có 63 tờ trong đó có 02 tờ ghi các chữ số, có kích thước 08cm x 08cm là tài liệu chứng cứ trong vụ án nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

+ 01 cây bút bi hiệu Minigel, màu đen, dài 15cm 01 bàn gỗ xếp, hình chữ nhật, có kích thước 60cm x 40cm bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội không có

giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

+ 01 máy tính hiệu Casio-LC-403TV; 01 điện thoại di động hiệu Nokia-X2-00, Type: RM-618, màu đen đỏ xám; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xám đen, Model C2-01; số tiền 3.700.000đ là số tiền và tài sản của bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, model: SM-B313E, kèm theo số sim điện thoại 0937390236; 01 điện thoại di động hiệu Philips, màu đen, kèm theo số sim điện thoại 01284388508 của bị cáo M sử dụng vào việc phạm tội và bị cáo cũng không có yêu cầu gì nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra qua điều tra đã xác định Đặng Thị L đã bán số đề cho các con bạc với số tiền đánh bạc dưới 5.000.000đ, cụ thể gồm: Các ngày 06/12/2016 (1.956.000đ), 10/12/2016 (3.370.000đ), 12/12/2016 (2.755.000đ), 13/12/2016 (4.161.000đ), 14/12/2016 (2.248.000đ), 16/12/2016 (2.622.000đ), 17/12/2016 (3.004.000đ), 18/12/2016 (3.962.000đ), 20/12/2016 (3.093.000đ), 21/12/2016 (4.735.000đ), 23/12/2016 (4.794.000đ) và Dương Thị M vào ngày 29/12/2016 với số tiền (4.782.000đ). Căn cứ Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Trên cơ sở áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội, tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: "Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng". Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã chuyển xử lý phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tên N (chưa rõ nhân thân định lai lịch), Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

- Án phí: Các bị cáo L, M, T1 và T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Thị L, Dương Thị M, Nguyễn Thị Mộng T1 và Nguyễn Minh T phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248; điểm m, p khoản 1 Điều 46, Điều 20 và Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đặng Thị L 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/7/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20 và Điều 60 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt: Dương Thị M 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/7/2017.

+ Xử phạt: Nguyễn Thị Mộng T1 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

26/7/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20 và Điều 33 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt: Nguyễn Minh T 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Giao bị cáo Đặng Thị L, Nguyễn Thị Mộng T1 và Dương Thị M cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự: Phạt sung quỹ nhà nước đối với bị cáo M 5.000.000đ. Miễn phạt đối với bị cáo L, bị cáo T1 và bị cáo T.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Lưu theo hồ sơ vụ án 01 cuốn sổ ghi dòng chữ Campap màu vàng, có kích thước 30cm x 22,5cm, bên trong ghi các chữ số (số đề) và có chữ ký xác nhận của Đặng Thị L; 01 xấp giấy phơi đề có 63 tờ trong đó có 02 tờ ghi các chữ số, có kích thước 08cm x 08cm.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 cây bút bi hiệu Minigel, màu đen, dài 15cm; 01 bàn gỗ xếp, hình chữ nhật, có kích thước 60cm x 40cm;

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 máy tính hiệu Casio-LC-403TV; 01 điện thoại di động hiệu Nokia-X2-00, màu đen đỏ xám; 01 điện thoại di động hiệu Nokia - C2-01 màu xám đen và số tiền 3.700.000đ thu giữ của bị cáo L.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, kèm theo sim điện thoại số 0937390236; 01 điện thoại di động hiệu Philips, màu đen, kèm theo sim điện thoại số 01284388508 thu giữ của bị cáo M.

(Các vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đang quản lý theo biên lai thu tiền số 0006650 ngày 13/6/2017 và biên bản giao nhận vật chứng số 36/BB-THA ngày 13/6/2017).

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc Hội buộc các bị cáo Đặng Thị L, Nguyễn Thị Mộng T1, Dương Thị M và Nguyễn Minh T mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

**** Nơi nhận***:
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BRVT;
- VKSND H. Đ;
- Công an H. Đ;
- THADS H. Đ;
- Những người TGTT;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Trí Thức